

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS - PT
Ngày: 01 - 4 - 2025
V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực
Ông Lê Thành Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS - ST ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2025/QĐ - PT ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định số: 108/2025/QĐ - PT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm D sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, TP ., Trà Vinh.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N1 gồm:

- Anh Đinh Văn T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, TP ., Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 23/9/2024.

- Anh Đinh Minh V, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, TP ., Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 23/9/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Văn L: Luật sư Huỳnh Thiên S – Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1951 (có mặt)

2. Bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, Tp T, Trà Vinh.

3. Anh Đinh Thanh Tùng E, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Chị Đinh Thị Mỹ L1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

5. Anh Đinh Minh T2, sinh năm 1989 (vắng mặt)

6. Anh Đinh Văn M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

6. Chị Đinh Thị Mỹ P, sinh năm 1993 (vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1985 (vắng mặt)

9. Chị Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm 1994 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, Tp T, Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D trình bày: Năm 2002 bà có nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn T1 phần diện tích đất khoảng 450m² tại thửa đất 834, diện tích 1.660m², tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, Trà Vinh (phần đất nhận chuyển nhượng này nay là thửa 71, diện tích 397,1m²) với giá 1 lượng vàng 24K, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Đinh Văn T1 thì ông Đinh Văn L là anh ruột biết rất rõ. Sau khi giao đủ tiền chuyển nhượng cho ông Đinh Văn T1, bà có đến Ủy ban nhân dân để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cán bộ giải thích không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà và ông Đinh Văn T1 có viết giấy tay để đảm bảo cho việc bà nhận chuyển nhượng và sử dụng đất. Do nhà sập nên giấy tay chuyển nhượng giữa bà và ông Đinh Văn T1 không còn. Năm 2004 ông Đinh Văn T1 và ông Đinh Văn L tranh chấp quyền sử dụng đất được ban N2. Kết quả hòa giải ông T1 và ông L đổi đất cho nhau, phần đất ông T1 bán cho bà thì ông L thống nhất sang tên tách thửa cho gia đình bà, ông L không tranh chấp nên gia đình bà sử dụng ổn định. Đến tháng 3 năm 2021 bà dỡ nhà tạm cất nhà kiên cố thì vợ chồng ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N tranh chấp, ngăn cản không cho bà xây dựng nhà. Sự việc bà có báo chính quyền địa phương vì vật tư để lâu sẽ bị hư hỏng, sau đó ông L tiếp tục lấy lưới B40 rào lại không cho bà

vào lấy vật tư làm xi măng, sắt hư hỏng không sử dụng được. Ông L đã chặt phá 02 bụi tre 100 cây, 02 cây dừa 10 năm tuổi và 10 cây mai vàng trên 10 năm. Qua sự việc trên bà mới biết ông Đinh Văn L đã sang tên thửa đất 834 qua tên bà N và thửa đất được cấp mới là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, diện tích 397,1m², đất tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Nay bà Nguyễn Thị Cẩm D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị N trả lại cho bà diện tích đất 310,7m², thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm D phần diện tích đất 310,7 m², thửa số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường thiệt hại tổng do đốn cây trồng và làm hư hỏng vật tư xây dựng của bà số tiền 8.610.000 đồng gồm: 02 cây dừa 10 năm tuổi với số tiền 2.440.000 đồng ; 02 bụi tre với số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại vật tư hư hỏng tạm tính 2.170.000 đồng.

Theo lời khai của bị đơn ông Đinh Văn L và trong quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Văn T là đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, diện tích 397, 1 m² tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là của ông Đinh Văn M1 là cha của ông Đinh Văn L cho ông L từ những năm 1964. Trong quá trình sử dụng đất, đến năm 1997 được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Văn L. Năm 2014 hộ ông L tặng cho thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị N. Năm 2002, ông L có cho bà Nguyễn Thị Cẩm D ở nhờ trên phần đất thửa đất số 71. Đến năm 2021, bà D dỡ nhà lá để xây dựng lại nhà kiên cố thì ông L, bà N1 không cho vì đây là phần đất của của ông L đứng tên, sử dụng từ khoảng năm 1964, 1965 đến nay. Nay ông L, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Thanh T3 Em trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì gia đình ông không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T1 trình: Nguồn gốc thửa đất số 71, diện tích 397, 1 m² mà bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Đinh Văn L đang tranh chấp là của ông Đinh Văn M1 là cha của ông T1 cho ông T1 từ năm 1978, đến năm 2002 ông T1 bán cho bà Nguyễn Thị Cẩm D với giá 01 lượng vàng 24K, khi bán đất có viết giấy tay giao bà D giữ. Đến năm 2004, giữa ông T1 và ông L phát sinh tranh chấp, tại buổi hòa giải của ấp C, ông L đồng ý để ông bán phần đất trên cho bà D và ông T1 thống nhất để lại phần đất lá cho ông L, hai bên thống nhất và ký tên vào biên bản, có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện nay thành phần hòa giải vẫn còn sống. Ông T1 không biết bằng cách nào ông L được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T1 chuyển nhượng đất cho bà D, hai bên không biết diện tích, số thửa, chỉ thống nhất mua bán, chỉ ranh và bà D sử dụng; đến năm 2004, khi phát sinh tranh chấp đất giữa ông T1 với ông L thì mới thống nhất hiện trạng bà D sử dụng khoảng 450m². Khi ông T1 chuyển nhượng đất cho bà D thì hiện trạng là đất lá có bờ đập, trong đám lá có 02 bụi tre và 01 bụi trúc là do ông trồng, trong quá trình sử dụng thì bà D cải tạo đất, san lấp, đắp nền như hiện nay và tài sản trên đất là của bà D, ông Đinh Văn L hoàn toàn không có sử dụng đất. Nay ông T1 không tranh chấp gì với bà D và ông L, yêu cầu ông L thực hiện đúng cam kết tại biên bản hòa giải năm 2004 là cắt phần đất mà ông T1 đã bán cho bà D cho bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm D: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS - ST ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D.

Buộc ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị N1 giao diện tích đất tranh chấp 310,7m², thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị Cẩm D được trọn quyền sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D được sử dụng diện tích đất tranh chấp 310,7m² (ký hiệu A), thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị Cẩm D được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục để được chỉnh lý biến động theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ cây trồng có trên đất tranh chấp, bao gồm: 02 bụi tre, 02 bụi trúc, 02 cây dù u, 02 cây mận, 01 cây cóc, 01 cây dừa, 01 cây cau.

Để bảo đảm cho việc thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp và tài sản, huê lợi gắn liền với đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với việc bà Nguyễn Thị Cẩm D yêu cầu ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại 02 cây dừa và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, diện tích 397,1m².

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D về việc yêu cầu ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại (100 cây tre và vật tư hư hỏng) với số tiền 6.170.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D không rút yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Phần đất tranh chấp thửa 71 là của ông Đinh Văn L2; ông Đinh Văn T1 không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chuyển nhượng cho bà D là không đúng pháp luật. Biên bản hòa giải của ban nhân dân ấp vào ngày 21/8/ 2004 chỉ có một mình ông L2 ký tên nên không có giá trị pháp lý trong khi đó đất cấp cho hộ ông L2. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh hộ ông L2 vào thời điểm cấp quyền sử dụng đất có bao nhiêu người, chưa đưa hàng thửa kế của ông Đinh Văn M1 vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Phần đất tranh chấp thửa 71 có nguồn gốc là của ông Đinh Văn M2, việc này được ông Đinh Văn L, ông Đinh Văn T1 thừa nhận. Ông T1 cho rằng phần đất tranh chấp thửa 71 là ông M2 cho ông T1 vào năm 1978 và ông sử dụng đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị Cẩm D1 sử dụng cho đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2004 của BND ấp C1, ông L thừa nhận phần đất này là của ông T1, đồng ý việc ông T1 chuyển nhượng phần đất này cho bà D1 và đồng ý tách thửa cho bà D1. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 834, ông L ghi nguồn gốc là của ông bà và của ông Đinh Văn T1. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp thửa 71 là của ông M2 cho ông T1, ông T1 chuyển nhượng lại cho bà D1, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Kim H, chị Đinh Thị Mỹ L1, anh Đinh Minh T2, anh Đinh Văn M, chị Đinh Thị Mỹ P, anh Nguyễn Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp thửa số 71, diện tích 397,1m² (thực đo 310,7m², phần ký hiệu A), tờ bản đồ 77, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Đinh Văn M1 là cha của ông Đinh Văn L và ông Đinh Văn T1. Thửa đất 71 được tách ra từ thửa 834 vào năm 2014 (*thửa 834 tách thành thửa 71, diện tích 397,1m² và thửa 73, diện tích 959,3m² và hộ ông L làm thủ tục tặng cho hai thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị N*) (BL38). Thửa 834, diện tích 1.660m² được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp quyền sử dụng đất cho hộ Đinh Văn L vào ngày 07/3/1997 (BL 38c, 43). Thửa 834 theo tư liệu năm 1983 thuộc một phần Rạch Nhà Chung; thuộc một phần thửa 538, diện tích 2.900m² do ông Đinh Văn L kê khai, đăng ký; thuộc một phần thửa 539, diện tích 7.250m² do ông Đinh Văn L kê khai, đăng ký (BL 38, 74). Mặc dù phần đất tranh chấp thửa 71, hộ gia đình ông Đinh Văn L được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1997 (thửa 834) nhưng trên thực tế gia đình ông L không có sử dụng mà phần đất này ông Đinh Văn M1 đã cho ông Đinh Văn T1 sử dụng từ năm 1978, đến năm 2002 ông T1 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm D sử dụng cho đến nay. Việc này được ông L, ông T1 thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2004 của BND ấp C1, cụ thể: Vào năm 2004 giữa ông T1 với ông L tranh chấp phần đất mà ông T1 chuyển nhượng cho bà D (nay là thửa 71), tại buổi hòa giải ông L thừa nhận phần đất này là của ông T1 nhưng do ông L đứng tên quyền sử dụng đất, ông L đồng ý việc ông T1 chuyển nhượng phần đất này cho bà D và đồng ý tách thửa cho bà D (BL10); sự việc này có chính quyền địa phương chứng kiến như ông Nguyễn Văn B (lúc đó là Bí thư chi bộ), ông Nguyễn Văn B1 (lúc đó là phó Bí thư chi bộ), ông Đinh Văn H1 (Chi hội trưởng), ông Lê Văn C (thư ký ghi biên bản) và một số người dân địa phương. Qua xác minh ông Nguyễn Văn B, ông Lê Văn C, ông Nguyễn Văn B1 thì các ông cũng thừa nhận có sự việc trên và có trực tiếp tham gia vào buổi hòa giải của ấp ngày 21/8/2004 (BL 221 - 229). Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 12/3/1996 đối với thửa đất 834, ông L ghi nguồn gốc là của ông bà và của ông Đinh Văn T1 (BL 83). Từ những chứng cứ và phân tích trên có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp thực đo 310,7m² (phần ký hiệu A) thuộc thửa 71 là của ông Đinh Văn T1 được ông Đinh Văn M1 cho sử dụng từ năm 1978 đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho bà D sử dụng cho đến nay, quá trình sử dụng gia đình bà D đã cải tạo san lấp đất, trồng cây và cất nhà ở trên đất; việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông L, bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông L, bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 158, Điều 165, Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 166 Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 310,7m² (phần ký hiệu A), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Phần diện tích đất 310,7m² (phần ký hiệu A) có vị trí, tứ cận theo Sơ đồ thửa đất kèm theo công văn số: 1822/CNTPTV, ngày 15/12/2022.

Buộc ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N1 giao diện tích đất tranh chấp 310,7m² (phần ký hiệu A), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 77, tọa lạc ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị Cẩm D quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 310,7m² (phần ký hiệu A), thuộc thửa đất 71 trên theo quyết định của Bản án này.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng